TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HỊA XỸ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113A/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Nam;

Ông Nguyễn Văn Cao.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Trong các ngày 06 và 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 127/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Hồng N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Long An (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trương Thị Hồng N trình bày:

Bà Trương Thị Hồng N và ông Huỳnh Minh T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 26/8/2005. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung tên Huỳnh Minh N1, sinh ngày 23/3/2006 và Huỳnh Ngọc Như Ý, sinh ngày 18/5/2014, các con chung hiện tại đang sống với bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà N không yêu cầu ông Trung cấp d nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N xác định không có nợ chung.

Bị đơn là ông Huỳnh Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Ông T cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà N. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Minh T, hiện ông T đang cư trú tại Ấp B, xã A, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng "Tranh chấp ly hôn", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Bà Trương Thị Hồng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Huỳnh Minh T được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N thấy rằng: Bà Trương Thị Hồng N và ông Huỳnh Minh T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 26/8/2005 theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà N trình bày thời gian đầu, vợ chồng sống chung hạnh phúc. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Hiện tại, bà N không còn tình cảm với ông T và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Đối với ông T thì đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai. Tuy nhiên, ông T không đến và cũng không có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc bà N có yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà N và ông T mâu thuẫn đã lâu. Trong khoảng thời gian này, ông bà không thể

đoàn tụ được. Trong thời gian không còn sống chung, ông bà không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung tên Huỳnh Minh N1, sinh ngày 23/3/2006 và Huỳnh Ngọc Như Ý, sinh ngày 18/5/2014. Hiện tại, con chung đang sống với bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà N không yêu cầu ông Trung cấp d nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy các cháu do bà N nuôi dưỡng từ khi vợ chồng không còn sống chung cho đến nay. Quá trình bà N nuôi dưỡng các cháu là đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các cháu, phù hợp với nguyện vọng của các cháu là muốn sống chung với bà N khi cha mẹ ky hôn. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, xét thấy bà N không yêu cầu ông Trung cấp d nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không có văn bản trình bày vấn đề này, bà N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Hồng N đối với ông Huỳnh Minh T.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị Hồng N được ly hôn với ông Huỳnh Minh T.

2. Về con chung: Bà Trương Thị Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên là Huỳnh Minh N1, sinh ngày 23/3/2006 và Huỳnh Ngọc Như Ý, sinh ngày 18/5/2014. Ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một

hoặc hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009603, ngày 13/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Trương Thị Hồng N đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND thị trấn Bến Lức
(Số 149 ngày 26/8/2005);
- Đương sự;
- Lưu./.

Đoàn Thanh Lâm